



HALONG CANNED FOOD JOINT STOCK CORPORATION

71 Le Lai, May Chai Ward, Ngo Quyen Dist., Hai Phong City

T (84 225) 3836 692 | F (84 225) 3836 155 | www.canfoco.com.vn

Số: *04* GGT-ĐHHL

VV: Giải thích nguyên nhân chênh lệch lợi nhuận quý IV.2018 so với quý IV.2017,

No.: GGT-ĐHHL

Regarding explaining the reason for profit difference between quarter IV.2018 vs. quarter IV.2017

Hải Phòng, ngày 18 tháng 01 năm 2019

Hai Phong Jan 18th, 2019

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Respectfully: STATE SECURITIES COMMISSION
HANOI STOCK EXCHANGE

Công ty CP Đồ hộp Hạ Long xin được giải trình lý do chênh lệch lợi nhuận quý IV.2018 so với quý IV.2017 trên Báo cáo Kết quả kinh doanh của Công ty mẹ và hợp nhất như sau:

Ha Long Canned Food Joint Stock Corporation would like to explain the reason for profit difference between quarter IV.2018 vs. quarter IV.2017 from the Statement on profit and loss of Company and consolidated as follows:

Báo cáo Công ty mẹ/ Parent company Statement:

Chỉ tiêu	Quý IV.2018	Quý IV.2017	CHÊNH LỆCH	
	Quarter IV.2018	Quarter IV.2017	Tuyệt đối/ Absolute	Tương đối/ Percentage
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	107.325.777.520	87.909.919.274	19.415.858.246	22%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	1.461.249.464	2.836.538.442	(1.375.288.978)	-48%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	105.864.528.056	85.073.380.832	20.791.147.224	24%
4. Giá vốn hàng bán	79.616.561.158	70.238.679.834	9.377.881.324	13%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	26.247.966.898	14.834.700.998	11.413.265.900	77%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	4.509.940.030	355.294.163	4.154.645.867	1169%
7. Chi phí tài chính	141.660.445	(719.844.844)	861.505.289	120%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	219.152.185		219.152.185	
8. Chi phí bán hàng	19.983.364.166	14.652.715.526	5.330.648.640	36%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.296.991.277	5.296.103.800	4.000.887.477	76%

Chỉ tiêu	Quý IV.2018	Quý IV.2017	CHÊNH LỆCH	
	Quarter IV.2018	Quarter IV.2017	Tuyệt đối/ Absolute	Tương đối/ Percentage
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26)	1.335.891.040	(4.038.979.321)	5.374.870.361	133%
11. Thu nhập khác	68.557.513	(219.068.569)	287.626.082	131%
12. Chi phí khác	10.091.585	281.037.287	(270.945.702)	-96%
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	58.465.928	(500.105.856)	558.571.784	112%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	1.394.356.968	(4.539.085.177)	5.933.442.145	131%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	1.394.356.968	(4.539.085.177)	5.933.442.145	131%

Báo cáo hợp nhất/ Consolidated statement:

Chỉ tiêu	Quý IV.2018	Quý IV.2017	CHÊNH LỆCH	
	Quarter IV.2018	Quarter IV.2017	Tuyệt đối/ Absolute	Tương đối/ Percentage
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	134.961.768.929	108.757.091.555	26.204.677.374	24%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	1.461.249.464	2.836.538.442	(1.375.288.978)	-48%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	133.500.519.465	105.920.553.113	27.579.966.352	26%
4. Giá vốn hàng bán	102.426.191.988	86.979.083.940	15.447.108.048	18%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	31.074.327.477	18.941.469.173	12.132.858.304	64%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	4.702.807.438	435.468.641	4.267.338.797	980%
7. Chi phí tài chính	640.180.803	(355.600.651)	995.781.454	280%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	526.775.527	252.199.879	274.575.648	
8. Chi phí bán hàng	20.839.373.545	15.379.679.840	5.459.693.705	35%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.077.892.141	6.798.795.717	6.279.096.424	92%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26)	1.219.688.426	(2.445.937.092)	3.665.625.518	150%
11. Thu nhập khác	220.303.744	8.622.686	211.681.058	2455%
12. Chi phí khác	139.895.564	281.037.287	(141.141.723)	-50%
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	80.408.180	(272.414.601)	352.822.781	130%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	1.300.096.606	(2.718.351.693)	4.018.448.299	148%

15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	312.130.595	892.057.194	(579.926.599)	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	987.966.011	(3.610.408.887)	4.598.374.898	127%

Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ Quý IV.2018 tăng 5,9 tỷ, tương ứng tăng 131% so với Quý IV.2017. Nguyên nhân chủ yếu là do doanh thu bán hàng tăng 22%, doanh thu hoạt động tài chính tăng 1169% so với quý IV.2017. Tuy vậy, do sự tăng cao tương ứng của giá vốn, chi phí bán hàng và chi phí quản lý nên lợi nhuận chỉ đạt 1,39 tỷ.

The net profit of parent company of Quarter IV.2018 increase 5.9 bio, equivalent to 131% compared with Quarter IV.2017. The explanation for this is the sale increase 22%, financial income increase 1169% compared with Quarter IV.2017. However, due to the increase in turn of cost of sale, selling and administration expense, the profit get only 1.39 bio.

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất Quý IV.2018 tăng 4.6 tỷ, tương ứng tăng 127% so với Quý IV.2017. Nguyên nhân chủ yếu là do doanh thu bán hàng tăng 24%, doanh thu hoạt động tài chính tăng 980% so với quý IV.2017. Tuy vậy, do sự tăng cao tương ứng của giá vốn, chi phí bán hàng và chi phí quản lý nên lợi nhuận chỉ đạt 987 triệu đồng.

The net profit of parent company of Quarter IV.2018 increase 4.6 bio, equivalent to 127% compared with Quarter IV.2017. The explanation for this is the sale increase 24%, financial income increase 980% compared with Quarter IV.2017. However, due to the increase in turn of cost of sale, selling and administration expense, the profit get only 987 mil.

Trên đây là nguyên nhân chủ yếu làm cho lợi nhuận Quý IV.2018 chênh lệch so với cùng kỳ năm trước

The above is the main reason for the net profit in Quarter IV.2018 change in comparison with the same period last year

Công ty chúng tôi xin được giải trình với Quý Cơ quan.

Our Company would like to explain to your Agency.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY CP ĐỒ HỘP HẠ LONG



TỔNG GIÁM ĐỐC
KEK CHIN ANN

